TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 678/2024/DS-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Thạnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Đạt

2. Bà Hồ Thị Lệ Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Loan - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh Tú - Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2024/TLST-DS ngày 04 tháng 4 năm 2024 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 352/2024/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 7 năm 2024; Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 34/TB-TA ngày 12/8/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 550/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Cao T, sinh năm 1965

Địa chỉ: Số 279XB đường V, phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Số 156C đường N, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Ông Phạm Việt H, sinh năm 1966

Địa chỉ: Số 223 đường K, Phường B, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: Căn hộ B 308 chung cư H phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(ông Nguyễn Cao T có mặt tại phiên tòa; ông Phạm Việt H vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 13/7/2022, Đơn khởi kiện ngày 23/8/2022, Bản tự khai ngày 26/10/2022 và quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Cao T trình bày:

Ngày 01/02/2011 (nhằm ngày 29 tết Canh Dần năm 2010) tại Căn hộ A19.07 Chung cư H, ông có cho ông Phạm Việt H vay số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng; mục đích vay để trả lương công nhân, ông H có làm giấy nhận nợ - viết tay (không thỏa thuận lãi suất). Ông H hẹn 6 tháng sau là ngày 01/08/2011 sẽ hoàn trả lại cho ông toàn bộ số tiền nêu trên, nhưng đến ngày 26/02/2021 (thời điểm dịch Covid-19) ông H mới hoàn trả trước cho ông được số tiền 50.000.000 đồng và ông H hẹn đúng ngày 15/03/2021 sẽ thanh toán tiếp 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông H vẫn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ như đã hứa hẹn đối với số tiền vốn vay còn nợ là: 150.000.000 đồng. Sau nhiều lần nhắc nợ, nhưng ông H vẫn không có thiện chí trả nợ, nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông số tiền vốn vay còn nợ là 150.000.000 đồng và buộc ông H phải trả cho ông tiền lãi do chậm trả theo quy định tại khoản 4 Điều 474 BLDS năm 2005 cụ thể: Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 26/02/2021=114 tháng): 200.000.000 đồng x 114 tháng x lãi suất 1,5%/tháng=342.000.000 đồng. Tiền lãi trên số tiền nợ gốc còn lại 150.000.000 đồng (tính từ ngày 26/02/2021 tạm tính đến đến ngày 26/10/2022=20 tháng): 150.000.000 đồng x 20 tháng x lãi suất 1,5%/tháng= 45.000.000 đồng. Tổng số tiền buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông tạm tính đến ngày 26/10/2022 là 537.000.000 đồng.

**** Bị đơn ông Phạm Việt H trình bày:***

Ông thừa nhận vì tình cảm bạn bè với nhau nên ngày 16/8/2023, ông và ông Nguyễn Cao T thỏa thuận chốt số tiền nợ là ông còn nợ ông T số tiền 342.000.000 đồng (trong đó tiền nợ gốc 150.000.000 đồng và tiền lãi là 192.000.000 đồng) theo yêu cầu khởi kiện của ông T. Thực tế, ông và ông Nguyễn Cao T có quan hệ là bạn cùng xóm, bạn học cùng khóa và cùng Trường Trung học Thủy sản 1. Năm 2007, ông có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, không có làm giấy nhận nợ, vay không xác định thời hạn, lãi suất thỏa thuận là 5.000.000 đồng/tháng, ông đã trả lãi đều hàng tháng cho ông T. Đến ngày 01/02/2011 (ngày 29 tết âm lịch năm 2011), ông có mượn tiếp ông T số tiền 30.000.000 đồng để thanh toán lương công nhân thì ông T đưa cho ông số tiền 30.000.000 đồng và kêu ông viết giấy nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng (để ông T đưa cho vợ làm tin) do tin tưởng bạn bè với nhau nên ông ghi nhận nợ số tiền 200.000.000 đồng, mười ngày sau thì ông trả dứt điểm cho ông T số tiền 30.000.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng.

Đến đầu tháng 02 năm 2021, ông T gọi điện thoại kêu ông phải trả số tiền 200.000.00 đồng, ông đồng ý trả vì nghĩ tiền gốc là 100.000.000 đồng và tiền lãi 100.000.000 đồng (của số tiền lãi 5.000.000 đồng hàng tháng mà ông chưa trả). Thực tế ông đã trả dứt điểm số tiền 200.000.000 đồng cho ông T làm 06 lần cụ thể: Lần 1 ngày 26/02/2021 (có ghi trong Giấy nhận nợ ngày 01/02/2021); lần 2 và lần 3 cùng tại quán Cà phê Thư Giản (tại khu vực Công viên Khánh Hội,

Phường 3, Quận 4) lúc này có vợ ông T đi cùng (ba lần số tiền 150.000.000 đồng); lần 4, lần 5 và lần 6 tại nhà ông T ông dừng xe trước nhà gọi ông T ra giao tận tay cho ông T (2 lần số tiền 40.000.000 đồng) và giao trực tiếp cho vợ ông T số tiền 10.000.000 đồng. Do có quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên sáu lần trả tiền cho ông T đều không lập giấy giao nhận. Nay theo yêu cầu của ông T, ông không đồng ý bất kỳ khoản nợ nào vì đã trả dứt điểm cho ông T.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Nguyên đơn ông Nguyễn Cao T trình bày: Ông vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông tiền vốn vay chưa trả là 150.000.000 đồng.

Về tiền lãi do việc giao dịch mượn tiền không thỏa thuận về lãi suất, nên ông xác định lại yêu cầu về mức lãi suất theo quy định của pháp luật cụ thể như sau:

+ Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 26/02/2021 là 09 năm 06 tháng 25 ngày) tính chẵn là 09 năm 06 tháng, lãi suất 9%/năm (theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ), số tiền là 171.000.000 đồng (200.000.000 đồng x 9%/năm x 09 năm 06 tháng = 171.000.000 đồng).

+ Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 là 03 năm 06 tháng 29 ngày) lãi suất 10%/năm (theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015), tính chẵn số tiền là 53.700.000 đồng (150.000.000 đồng x 10%/năm x 03 năm 06 tháng 29 ngày = 53.708.343 đồng).

Tổng số tiền ông Phạm Việt H phải trả cho ông là 374.700.000 đồng (trong đó tiền vốn vay chưa trả là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 224.700.000 đồng). Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn ông Phạm Việt H được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2, nhưng vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát:

- Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý; việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến 97 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho các đương sự đúng quy định tại Điều 195, Điều 196 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng các quy định chung về phiên tòa sơ thẩm, thủ tục bắt đầu phiên tòa, đảm bảo việc tranh tụng tại phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự

2015. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

- Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Ông Nguyễn Cao T khởi kiện yêu cầu ông Phạm Việt H phải trả các khoản nợ phát sinh từ Giấy nhận nợ, đây là vụ án tranh chấp về hợp đồng vay tài sản quy định tại điều 463 Bộ luật dân sự 2015. Bị đơn cư trú tại Quận 7, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về sự có mặt của đương sự: Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn ông Phạm Việt H vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về áp dụng pháp luật: Xét Giấy nhận nợ ngày 01/02/2011 (viết tay) do ông Nguyễn Cao T và ông Phạm Việt H tự nguyện xác lập, về hình thức và nội dung phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, nên có hiệu lực từ thời điểm giao kết và đang thực hiện. Theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử áp dụng quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[4] Về áp dụng pháp luật nội dung: Xét yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Cao T về việc buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông T tiền vốn vay chưa trả theo Giấy nhận nợ ngày 01/02/2011 là 150.000.000 đồng và tiền lãi là 224.700.000 đồng (gồm tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 26/02/2021 là 09 năm 06 tháng 25 ngày) tính chẵn là 09 năm 06 tháng, lãi suất 9%/năm, số tiền là 171.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng (tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày xét xử sơ thẩm 26/9/2024 là 03 năm 06 tháng 29 ngày) lãi suất 10%/năm, tính chẵn số tiền là 53.700.000 đồng. Trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Cao T về việc buộc ông Phạm Việt H phải trả tiền vốn vay chưa trả 150.000.000 đồng theo Giấy nhận nợ ngày

01/02/2011, xét thấy: Tại Giấy nhận nợ ngày 01/02/2011 thể hiện nội dung: *"Hôm nay do nhu cầu cần tiền để trả tiền lương thưởng cho anh em công nhân. Nay đề nghị anh T cho mượn số tiền 200.000.000 đồng. Người mượn - Em Phạm Việt H. Thời gian hẹn hoàn trả: 01/8/2011. Xác nhận: Đã nhận đủ số tiền 200.00.000 đồng mà anh T đã cho mượn. Hôm nay ngày 26/02/2021 em Phạm Việt H có gửi hoàn trả anh T số tiền 50.000.000 đồng. Hẹn đúng ngày 15/3/2021 sẽ thanh toán tiếp 50.000.000 đồng"*. Về phía bị đơn thì tại Biên bản hòa giải ngày 09/5/2024, ông Phạm Việt H thừa nhận có vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng, nhưng không thừa nhận còn nợ ông T số tiền 150.000.000 đồng vì cho rằng đã trả dứt điểm số tiền 200.000.000 đồng cho ông T làm 06 lần cụ thể: Lần 1 ngày 26/02/2021 (có ghi trong Giấy nhận nợ ngày 01/02/2011); lần 2 và lần 3 cùng tại quán Cà phê Thư Giản, tại khu vực Công viên Khánh Hội, Phường 3, Quận 4 lúc này có vợ ông T đi cùng (ba lần số tiền 150.000.000 đồng); lần 4, lần 5 và lần 6 tại nhà ông T ông dừng xe trước nhà gọi ông T ra giao tận tay cho ông T (2 lần số tiền 40.000.000 đồng) và giao trực tiếp cho vợ ông T số tiền 10.000.000 đồng, do có quan hệ bạn bè thân thiết với nhau nên sáu lần trả tiền cho ông T ông đều không lập giấy giao nhận. Tuy nhiên, không đưa ra được chứng cứ để minh đã trả hết số tiền cho ông T. Mặt khác, ông H cho rằng lần 2 và lần 3 trả cùng tại quán Cà phê Thư Giản, tại khu vực Công viên Khánh Hội, Phường 3, Quận 4 lúc này có vợ ông T đi cùng, nhưng theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 60/UBND-XNTTHN ngày 03/02/2024 của Ủy ban nhân dân phường C, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: "*Ông Nguyễn Cao T đã đăng ký kết hôn nhưng đã ly hôn theo Quyết định số 164B/2010/QĐHNGĐ-ST ngày 26/11/2010 của Tòa án nhân dân Quận M. Hiện nay chưa đăng ký kết hôn với ai"*, nên việc ông H cho rằng đã trả dứt điểm số tiền cho ông T là không có cơ sở để xem xét. Tại Khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 quy định: *"Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh"*. Do đó, yêu cầu ông Nguyễn Cao T về việc buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông T số tiền vốn vay chưa trả 150.00.000 đồng là có căn cứ được chấp nhận.

[4.2] Đối với yêu cầu của ông Nguyễn Cao T về việc buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông T tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 9%/năm (tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 26/02/2021 tính chẵn=09 năm 06): 200.000.000 đồng x 09 năm 06 tháng x lãi suất 9%/năm= 171.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%/năm (tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày 26/9/2024=03 năm 06 tháng 29 ngày): 150.000.000 đồng x 03 năm 06 tháng 29 ngày x 10%/năm tính chẵn= 53.700.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.2.1] Về mức lãi suất áp dụng: Theo Giấy mượn tiền tuy các bên không thỏa thuận mức lãi suất, nhưng theo Nghị quyết số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tại điểm c khoản 1 Điều 2 của Nghị quyết hướng dẫn: "*1... c... Hợp đồng đang được thực hiện mà lãi, lãi suất phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì việc áp dụng pháp*

luật để xác định lãi, lãi suất như sau: Đối với khoảng thời gian từ ngày 01-01-2006 đến trước ngày 01-01-2017 thì áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005…"; tại khoản 1 Điều 4 của Nghị quyết hướng dẫn: "*1…. Tiền lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả = (nợ gốc quá hạn chưa trả) x (lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm trả nợ) x (thời gian chậm trả nợ gốc)*". Tại Quyết định số: 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam là 9,0%/năm.

[4.2.2] Tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 quy định: "*1. Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả… 2. …. nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này*"; tại Điều 468 quy định: *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay… 2. Trường hợp các bên có thoả thuận về việc trả lãi, nhưng không xác định rõ lãi suất và có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều này tại thời điểm trả nợ*".

Như vậy, ông Nguyễn Cao T yêu cầu ông Phạm Việt H phải trả tiền lãi trên tiền vốn vay chưa trả cụ thể: Tiền lãi trên số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng theo mức lãi suất 9%năm (tính từ ngày 01/8/2011 đến ngày 26/02/2021 tính chẵn = 09 năm 06 tháng): 200.000.000 đồng x 09 năm 06 tháng x lãi suất 9%/năm= 171.000.000 đồng và tiền lãi trên số tiền nợ gốc 150.000.000 đồng theo mức lãi suất 10%năm (tính từ ngày 27/02/2021 đến ngày 26/9/2024=03 năm 06 tháng 29 ngày): 150.000.000 đồng x 03 năm 06 tháng 29 ngày x 10%/năm tính chẵn= 53.700.000 đồng là có căn cứ, có lợi cho bị đơn, phù hợp với quy định của pháp luật, nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của ông Nguyễn Cao T về việc buộc ông Phạm Việt H phải trả số tiền 374.700.000 đồng được chấp nhận, nên ông Phạm Việt H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.735.000 đồng, theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Cao T.

Buộc ông Phạm Việt H phải trả cho ông Nguyễn Cao T tổng số tiền là 374.700.000 (ba trăm bảy mươi bốn triệu bảy trăm ngàn) đồng, trong đó tiền vốn vay chưa trả là 150.000.000 đồng, tiền lãi là 224.700.000 đồng. Các bên đương sự thi hành bản án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Nguyễn Cao T cho đến khi thi hành án xong khoản tiền phải trả cho ông Nguyễn Cao T nêu trên, hàng tháng ông Phạm Việt H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Ông Phạm Việt H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 18.735.000 (mười tám triệu bảy trăm ba mươi lăm ngàn) đồng.

Hoàn trả lại cho ông Nguyễn Cao T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.650.000 (mười hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2021/0009130 ngày 14/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án sơ thẩm là 15 ngày kể, từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh có quyền kháng nghị bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP. (*Thúy Loan*)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Văn Thạnh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA